

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2019/DS-ST
Ngày: 28-10-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tài sản)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2019/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ánh T, sinh năm 1960; hộ khẩu thường trú: Số A, khu phố B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Viết T1, sinh năm 1979; hộ khẩu thường trú: Số E, đường F, tổ G, khu phố H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn (bà T) có mặt tại phiên tòa. Bị đơn (ông T1) vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (bà T) trình bày:*

Bà T và ông T1 có mối quan hệ quen biết nên ông T1 có hỏi vay tiền bà T nhiều lần, cụ thể: Lần thứ nhất: Vào ngày 15/12/2015, ông T1 vay bà T số tiền

70.000.000 đồng; lần thứ hai: Vào ngày 10/01/2016, ông T1 vay bà T số tiền 70.000.000 đồng; lần thứ ba: Vào ngày 01/12/2016, ông T1 vay bà T số tiền 110.000.000 đồng. Tổng cộng ông T1 vay của bà T số tiền 250.000.000 đồng và cả 03 lần vay tiền ông T1 điều ký tên xác nhận và hứa miệng với bà T khi nào bà T cần lấy lại tiền thì báo ông T1 trước 30 ngày, ông T1 sẽ thanh toán lại số tiền đã vay cho bà T.

Tuy nhiên, khi bà T cần tiền và thông báo cho ông T1 nhưng ông T1 không thực hiện như đã hứa mà cố tình né tránh, kéo dài. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T tổng số tiền 250.000.000 đồng. Bà T, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông T1 nợ bà T.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu gì khác.

** Bị đơn (ông T1):*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn (ông T1) tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn ông T1 cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn (ông T1). Quá trình xác minh, bị đơn (ông T1) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số E, đường F, tổ G, khu phố H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn (ông T1) trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn (ông T1) thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn (ông T1) cố tình vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn (ông T1) theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà T) là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn (ông T1) hiện đang cư trú tại hộ khẩu thường trú: Số E (số khác K) đường F, tổ G, khu phố H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà T có mặt, bị đơn ông T1 đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông T1 thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết và tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1 theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn (bà T) cho bị đơn (ông T1) vay tiền 03 lần, cụ thể: Ngày 15/12/2015, ông T1 vay bà T số tiền 70.000.000 đồng; ngày 10/01/2016, ông T1 vay bà T số tiền 70.000.000 đồng; ngày 01/12/2016, ông T1 vay bà T số tiền 110.000.000 đồng. Tổng cộng, ông T1 vay bà T số tiền 250.000.000 đồng. Cả 03 lần vay tiền của bà T, ông T1 điều ký tên xác nhận nhưng đến nay bị đơn (ông T1) vẫn không thanh toán lại số tiền đã vay của bà T.

Do đó, nguyên đơn (bà T) khởi kiện yêu cầu bị đơn (ông T1) phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T tổng số tiền 250.000.000 đồng.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Chứng cứ nguyên đơn (bà T) cung cấp là 03 giấy mượn tiền lập vào các ngày 15/12/2015; ngày 10/01/2016; ngày 01/12/2016 có chữ ký của bị đơn (ông T1) thể hiện hai bên có giao dịch cho vay, mượn tiền của nhau và bị đơn (ông T1) đã nhận đủ số tiền vay là 250.000.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (ông T1) vắng mặt không có lý do nên nguyên đơn (bà T) có đơn yêu cầu Tòa án giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên của bị đơn (ông T1) trong 03 giấy mượn tiền lập vào các ngày 15/12/2015; ngày 10/01/2016; ngày 01/12/2016. Tòa án đã ra quyết định trưng cầu giám định số: 31/2019/QĐ-TCGD ngày 09/7/2019 giám định chữ ký tên và chữ viết họ tên của bị đơn (ông T1) tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương. Theo kết luận giám định số: 253/GĐ-PC09 ngày 19/7/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký tên và chữ viết họ tên “Nguyễn Viết T1” dưới các mục “T1 lấy 70.000.000 đồng”; “Người mượn” và “ngày 01/12/2016” trên 02 tờ giấy kẻ ngang cùng kích thước (15x23cm) có nội dung bà Trần Thị Ánh T cho ông Nguyễn Viết T1 vay tiền, đề các ngày 15/12/2015, ngày 10/01/2016, ngày 01/12/2016 (ký hiệu A1 và A2) so

với chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Viết T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M8) do cùng một người ký và viết ra.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn (ông T1) có vay của nguyên đơn (bà T) số tiền 250.000.000 đồng. Theo biên bản xác minh ngày 08/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng thể hiện bị đơn (ông T) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số E, đường F, tổ G, khu phố H, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Việc bị đơn (ông T1) không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và xét xử vắng mặt bị đơn (ông T1) theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà T) đối với bị đơn (ông T1) là có cơ sở chấp nhận đối với số tiền 250.000.000 đồng.

[4] Về lãi suất: Nguyên đơn (bà T) không yêu cầu lãi suất đối với số tiền 250.000.000 đồng mà bị đơn (ông T1) vay nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí giám định: Nguyên đơn (bà T) đã nộp số tiền 2.450.000 đồng. Do đó, bị đơn (ông T1) phải trả lại cho nguyên đơn (bà T) số tiền 2.450.000 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn (ông T1) phải chịu án phí đối với số tiền 250.000.000 đồng thanh toán cho nguyên đơn (bà T).

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát : Về nội dung vụ án , các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu , miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tài sản)” của nguyên đơn bà Trần Thị Ánh T đối với bị đơn ông Nguyễn Viết T1.

Buộc ông Nguyễn Viết T1 thanh toán cho bà Trần Thị Ánh T số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Trần Thị Ánh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Viết T1 không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông Nguyễn Viết T1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Chi phí giám định: Số tiền 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng) bà T đã nộp xong. Ông Nguyễn Viết T1 có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Trần Thị Ánh T số tiền 2.450.000 đồng (hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Viết T1 phải chịu 12.500.000 đồng (mười hai triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Trần Thị Ánh T số tiền 6.250.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012956 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/10/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty